

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 01/2017/KDTM-PT

Ngày: 18-01-2018

V/v tranh chấp hợp đồng liên doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Các Thẩm phán: 1. Ông Y Phi Kbuôr.

2. Ông Nguyễn Đình Triết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 19/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng liên doanh”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 25/2017/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017, của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2017/QĐ-PT ngày 21/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây dựng A; trụ sở: Số 116 B, Tp. C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956 - Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hồ Ngọc Đ – Văn phòng Luật sư Đ, đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần E; trụ sở: Số 16A F, Tp. C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Ngọc G, sinh năm 1970 - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn công ty cổ phần E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:***

Ngày 29/10/2010, Công ty cổ phần xây dựng A (Viết tắt Công ty A) ký hợp đồng liên doanh số 01/HĐLD với công ty cổ phần E (Viết tắt Công ty E) về việc đầu tư khai thác đá làm vật liệu xây dựng tại xã H (nay là xã Y), huyện K, tỉnh Đắk Nông. Tỷ lệ vốn góp 30%, 70% và lãi lỗ được chia theo tỷ lệ vốn góp. Sau khi ký hợp đồng Công ty A góp tiền mặt nhiều lần với hình thức nộp tiền mặt trực tiếp và chuyển vào tài khoản cho Công ty E. Cụ thể những lần nộp tiền như sau: Ngày 02 /11/2010 nộp 100.000.000 đồng; ngày 17/11/2010 nộp 100.000.000 đồng; ngày 25/11/2010 nộp 370.000.000 đồng; ngày 27/6/2011 nộp 100.000.000 đồng; ngày 11/7/2011 nộp 30.000.000 đồng; ngày 27/8/2011 nộp 30.000.000 đồng; ngày 07/3/2011 chuyển khoản 500.000.000 đồng. Ngoài ra, Công ty A góp vốn bằng hình thức Công ty A thu nợ bằng đá cấp phối (đá dăm) của Chi nhánh công ty TNHH L tại M và nhập về cho Công ty E để công ty E thi công đường Bắc Nam thị xã M, tỉnh Đắk Nông, trị giá bằng tiền 298.420.000đồng, có phiếu nhập kho Công ty E đã nhận từ 30/12/2011 đến ngày 05/5/2012.

Góp vốn bằng các trang thiết bị: Ngày 21/2/2011 góp 01 máy ép gạch, trị giá bằng tiền 43.000.000đồng; ngày 26/4/2011 góp 01 xe ô tô bán tải, trị giá 750.000.000 đồng (Hai bên xác nhận giá trị tại thời điểm góp là 100%); ngày 29/8/2011 góp 02 giàn khoan, giàn khoan số 1 trị giá 123.630.000 đồng; giàn khoan số 2 trị giá 105.645.000.000 đồng (Hai bên xác nhận giá trị tại thời điểm góp cả 2 giàn khoan giá trị còn lại 65%); ngày 29/8/2011 góp 200m dây điện 3 pha 10.000.000 đồng (Hai bên xác nhận giá trị tại thời điểm góp 100%); ngày 29/8/2011 góp bộ kích điện nổ mìn trị giá 10.000.000đồng (Hai bên xác nhận giá trị tại thời điểm góp 100%); trị giá 10.000.000 đồng. Tổng góp vốn bằng tiền và hiện vật 2.570.695.000 đồng. Công ty E có lập bảng kê chi tiết góp vốn từ ngày 01/11/2010 đến ngày 30/4/2012, do bà Nguyễn Thị Kim N trưởng phòng tài chính kế toán Công ty E lập ngày 22/5/2012.

Cứ cuối năm hàng năm ông D đến Công ty E yêu cầu ông G người đại diện theo pháp luật của Công ty E cùng xem xét, quyết toán cuối năm để kiểm tra lãi, lỗ. Nhưng ông G né tránh và không chịu hợp tác nên ông D không nắm bắt được mọi hoạt động của mỏ đá lãi, lỗ như thế nào. Sau nhiều lần trực tiếp

gặp ông G yêu cầu quyết toán, tính lợi nhuận phát sinh từ hoạt động của mỏ đá thì ông G mới nhiều lần chuyển lợi nhuận với số tiền 450.000.000đồng, theo ông D lợi nhuận được tính từ năm 2012 đến năm 2015 chứ không phải sự thống nhất của hai bên và ông G đã trả lại cho Công ty A 01 thiết bị vốn góp là 01 chiếc xe bán tải, hai bên thống nhất trị giá chiếc xe 500.000.000đồng. Nhưng sau này ông G có trao đổi với ông D số tiền 450.000.000đồng mà ông G đã chuyển cho ông D là tiền ông G trả tiền vốn góp chứ không phải lợi nhuận. Như vậy tiền vốn góp còn lại 1.620.695.000đồng. Nay Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty E phải trả lại cho Công ty A số tiền vốn góp 1.620.695.000đồng. Trước đây, khi ông D làm đơn khởi kiện tính nhằm nên khởi kiện yêu cầu Công ty E phải trả lại cho ông D số tiền góp vốn 1.620.275.000đồng.

Đối với chứng từ góp vốn tài sản bằng hiện vật do ông D tin tưởng ông G nên không yêu cầu ông G ký vào bảng kê chi tiết góp vốn nên xin nộp cho Tòa án bảng gốc có chữ ký của kế toán Công ty E là cô N. Khi tôi bàn giao tài sản góp vốn bằng hiện vật thì có hội đồng Công ty E, gồm có: Ông T- phó giám đốc Công ty E, ông Đinh Văn S là nhân viên kế toán thống kê của Công ty E và tôi (Bảy D) có lập biên bản liệt kê đầy đủ tác cả các hiện vật đã góp vốn và tác cả những người trên ký xác nhận bàn giao. Biên bản này hiện nay ông G đang giữ nên ông D không có để cung cấp cho Tòa. Những người ký biên bản là ông T, ông S hiện nay ở đâu thì tôi không rõ nên không thể cung cấp địa chỉ của những người này cho Tòa án được.

Trước đây nhiều lần ông D đòi ông G trả tiền vốn góp, ông G né tránh, chây ỳ không chịu trả, vợ chồng ông G tự ý lập giấy vay nợ với nội dung vợ chồng Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị X cho vợ chồng ông Đào Ngọc G, bà Nguyễn Thị Thanh V vay số tiền 1.439.211.050đồng. Tôi không đồng ý với kiểu dây dưa không chịu trả tiền vốn góp cho tôi và tự ý ghi giấy nợ nên vợ chồng ông D không ký vào giấy cho vay tiền.

*** *Tại phiên Tòa sơ thẩm ông Đào Ngọc G là đại diện theo pháp luật của Bị đơn Công ty E trình bày:***

Ông G thừa nhận hai bên có ký hợp đồng liên doanh và số tiền ông D góp vốn bằng tiền mặt và hiện vật là đúng như lời ông D trình bày. Mỏ đá được hoàn thiện đi vào hoạt động vào cuối năm 2012, Công ty E được khai thác mỏ đá nên khi mỏ đá hoạt động ông D được bổ nhiệm làm giám đốc mỏ đá và là Phó giám đốc Công ty E, ông D chịu trách nhiệm giám sát mọi hoạt động và ký phiếu chi.

Đầu năm 2015 ông D có nói gia đình có đám cưới con gái nên xin rút chiếc xe bán tải và hai bên xác định giá trị còn lại của chiếc xe là 500.000.000đồng và

sau đó Công ty E có chuyển tiếp số tiền mặt là 450.000.000đồng.

Đối với giấy nhận nợ mà vợ chồng tôi viết vào ngày 30/7/2015 là vì ngày 30/4/2015 mỏ đá không sản xuất hoạt động vì không có đầu ra nên dự kiến bán được mỏ đá thì số tiền gốc thanh lý tài sản ông D được nhận 1.439.211.050 đồng.

Nay ông D khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền 1.620.695.000đồng thì tôi không đồng ý. Vì không có căn cứ, hoạt động mỏ đá bị thua lỗ. Nay để xác định lại vốn góp của ông D còn lại bao nhiêu là không xác định được.

Tại bản án số 25/2017/KDTM-ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280; khoản 1 Điều 281; Điều 388 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 27 pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng A. Buộc Công ty cổ phần E phải trả cho Công ty cổ phần xây dựng A số tiền vốn góp 1.620.695.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2017 bị đơn Công ty E kháng cáo toàn bộ nội dung bản án kinh doanh N mại sơ thẩm số 25/2017/KDTM ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột với nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử chưa khách quan. Tòa án sơ thẩm chưa thu thập đủ chứng cứ, tài liệu liên quan. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Công ty A giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn Công ty E giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đối với hợp đồng liên doanh giữa hai công ty được giao kết, quá trình thực hiện Công ty E không chứng minh được lãi, lỗ. Vốn góp theo như hợp đồng là Công ty E 70% nhưng Công ty E đã không thực hiện đúng theo cam kết của hợp đồng liên doanh nên cấp sơ thẩm buộc Công ty E trả lại vốn góp là đúng. Đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng không xem xét xử lý hợp đồng liên doanh là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thời hạn xét xử: Ngày 10/12/2015, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thụ lý vụ án, ngày 11/02/2016 ký quyết định gia hạn thời hạn xét xử. Ngày 04/7/2016 ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án với nội dung chờ kết quả trả lời của Chi cục thuế huyện K, tỉnh Đắk Nông. Ngày 23/02/2017 ban hành quyết định tiếp tục giải quyết vụ án nhưng đến ngày 09/6/2017 mới ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn xét xử.

[2]. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng liên doanh*” theo Điều 388 Bộ luật dân sự là đúng. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện (lần 1) nhận ngày 03/11/2015, ông D ký tên đứng đơn không đóng con dấu Công ty A có 03 yêu cầu (bút lục 03): 1. Thanh lý hợp đồng liên doanh số 01/HĐLD ngày 29/10/2010 đã ký kết giữa Công ty A và Công ty E; 2. Trả lại tiền vốn góp 2.570.275.000đồng; 3. Yêu cầu chia lợi nhuận. Tại đơn khởi kiện (lần 2) ngày 20/11/2015, Công ty A đứng đơn khởi kiện có đóng dấu Công ty A còn lại hai yêu cầu: 1. Trả lại tiền vốn góp 2.570.275.000đồng; 2. Yêu cầu chia lợi nhuận. Như vậy, đồng thời nguyên đơn có hai đơn khởi kiện với nội dung yêu cầu giải quyết khác nhau. Đáng lẽ, cấp sơ thẩm phải thông báo cho nguyên đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện vì đơn khởi kiện lần 1 ông D đứng đơn, không đóng con dấu của công ty là không hợp lệ nhưng lại có 3 yêu cầu khởi kiện còn đơn lần 2 Công ty đứng đơn và có con dấu là hợp lệ nhưng lại không thể hiện yêu cầu giải quyết đối với giá trị của hợp đồng liên doanh số 01/HĐLD ngày 29/10/2010 đã ký kết giữa Công ty A và Công ty E (Viết tắt hợp đồng 01) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lại nguyên tỷ lệ góp vốn ban đầu trong khi hợp đồng liên doanh số 01 xác định tỷ lệ góp vốn 30/70, lợi nhuận, lỗ được chia theo tỷ lệ góp vốn. Quá trình khai thác bị đơn không xác định lãi, lỗ và nguyên đơn không chứng minh được có lợi nhuận nên đã rút một phần yêu cầu tính lợi nhuận. Đáng lẽ, cấp sơ thẩm phải đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn về yêu cầu chia lợi nhuận mới đúng.

Bị đơn cho rằng công ty hoạt động bị thua lỗ nhưng cấp sơ thẩm không hướng dẫn bằng văn bản cho các bên đương sự có nghĩa vụ cung cấp tài liệu chứng cứ và yêu cầu kiểm toán để tính mức độ thua lỗ để chia trên tỷ lệ góp vốn mà mỗi bên phải chịu. Hơn nữa, 30% tỷ lệ góp vốn của nguyên đơn trong đó tiền mặt và thỏa thuận chuyển nghĩa vụ thu nợ cho nguyên đơn 1.528.420.000đ còn lại góp vốn bằng tài sản là 1.042.275.000đ gồm: 01 máy ép gạch, trị giá bằng tiền là 43.000.000đồng; 01 xe ô tô bán tải, trị giá 750.000.000 đồng (Hai bên xác nhận giá trị tại thời điểm góp là 100%); góp 02 giàn khoan, trị giá giàn khoan số 1 là 123.630.000 đồng; giàn khoan số 2 trị giá 105.645.000.000 đồng (Hai bên xác nhận giá trị tại thời điểm góp giàn khoan số 1 là 65%, giàn khoan số 2 là 65%); 200m dây điện 3 pha 10.000.000 đồng (Hai bên xác nhận giá trị tại thời điểm góp là 100%); bộ kích điện nổ mìn (Hai bên xác nhận giá trị tại thời điểm góp là 100%); trị giá 10.000.000 đồng. Như vậy, sau nhiều năm hoạt động giá trị còn lại của các trang thiết bị máy móc chưa tính khấu hao, không định giá để xác định giá trị còn lại là bao nhiêu nhưng cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán 100% như giá trị góp vốn ban đầu làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bị đơn, trong khi tại thời điểm góp vốn chiếc xe bán tải, hai bên thống nhất trị giá trị giá 750.000.000 nhưng thời điểm nguyên đơn được thanh toán thì hai bên xác định giá trị còn lại của chiếc xe chỉ 500.000.000đồng.

Cấp sơ thẩm không xem xét giá trị của hợp đồng liên doanh số 01, bên nào vi phạm cam kết của hợp đồng để xác định bên còn lại có quyền yêu cầu đơn phương chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng...mà lại giải quyết quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu.

Xét thấy, bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đánh giá chứng cứ chưa khách quan toàn diện, giải quyết vụ án chưa triệt để mà đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của bị đơn cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự cần hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Sẽ được xác định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn Công ty E không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần E, hủy bản án sơ thẩm số 25/2017/KDTM-ST ngày 31-8-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thụ lý, giải quyết theo quy định.

[2]. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Sẽ được xác định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần E không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được nhận lại 2000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001029 ngày 04/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền

